

おおさかふ おおさかふけいさつ かくにん

大阪府・大阪府警察 からの確認です

Tỉnh Osaka và cảnh sát Osaka xin hỏi

たいせつ かくにんじこう てんいん しじ したが かなら かくにん
大切な確認事項です。店員さんの指示に従い、必ず確認してください
Nội dung quan trọng với bạn.
Bạn hãy trả lời theo hướng dẫn của nhân viên.

ゆうりょう けいたいでんわ みばら りょうきん
『有料サイトや携帯電話の未払い料金がある』
という電話やメールがきた

Bạn đã nhận được điện thoại hoặc tin nhắn là chưa trả tiền trang Web hoặc tiền điện thoại di động?

はい
có

いいえ
không

おくえんとうせん いさん そうよ
『●億円当選した』『遺産を贈与する』という
メッセージがきた

Bạn nhận tin nhắn là sẽ được tài sản và đã trúng ●tỷ đồng?

はい
có

いいえ
không

じたく けいこくおん な
自宅のパソコンから警告音が鳴りやまない

Âm thanh cảnh báo máy tính nhà bạn không tắt được?

はい
có

いいえ
không

がめん かんせん ひょうじ
画面から『ウイルスに感染』という表示を
消せない

Không thể tắt cảnh báo đã nhiễm Virus?

はい
có

いいえ
không

でんし か たにん しじ
電子マネーを買うように他人から指示された

Người khác đã bảo bạn mua tiền điện tử?

はい
có

いいえ
không

でんし ばんごう たにん おし よてい
電子マネーの番号を他人に教える予定だ

Bạn định cho người khác biết mã số tiền điện tử?

はい
có

いいえ
không

こうにゅう りゅう じぶんよう まご
購入の理由を『自分用』や『孫へのプレゼント』
と答えるように言われている

Bạn bị bảo lý do mua là cho mình hoặc cho cháu?

はい
có

いいえ
không

『はい』がひとつでもあれば、詐欺の可能性あります。すぐ警察に相談してください。

Chỉ cần [có] 1 câu là có thể bị lừa nên hãy báo cảnh sát ngay



大阪府・大阪府警察からのお願い

Tỉnh Osaka và cảnh sát Osaka xin hỏi

裏面のチェックシートを使い必ず確認してください

Xin hãy nhớ sử dụng Check Sheet ở mặt sau để hướng dẫn.



高額購入

mua số tiền lớn



裏面のチェックシートで「はい」がひとつでもあれば、**詐欺**の可能性があります

商品は販売せず、すぐ警察に**通報**してください

Chỉ cần [có] 1 câu là có thể bị lừa, đừng bán hãy báo cảnh sát ngay

110番 又は

警察署

số 110 hoặc là số sở cảnh sát (- -)

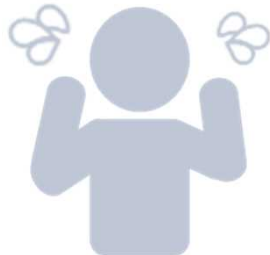
※その他の場合でも、詐欺の可能性があると感じた場合は声かけをお願いします

Hoặc nếu bạn cảm thấy sao sao thì hãy báo khách



電話で指示を
受けている

bị chỉ đạo qua điện thoại



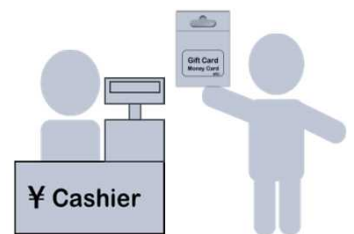
慌ててプリペイドカード
を購入しようとしている

vội vàng mua thẻ trả trước



高齢者などの
不慣れな購入者

khách cao tuổi v.v.. không quen
công nghệ



複数回購入

mua nhiều lần